THÔNG BÁO THAY ĐỔI HẠN MỨC CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi hạn mức chào bán chứng quyền có bảo đảm của các mã chứng khoán cơ sở như sau:

STT	Mã CKCS	Hạn mức chào bán cũ	Hạn mức chào bán mới
1	ACB	381.759.253	382.919.009
2	FPT	100.687.318	101.021.769
3	HDB	450.630.448	451.713.214
4	HPG	293.590.137	294.710.459
5	MSN	45.567.673	45.867.673
6	SHB	316.099.595	317.599.595
7	STB	126.659.822	127.159.822
8	VNM	38.448.080	38.860.823
9	VPB	388.175.914	389.298.680

Như vậy danh sách cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm và hạn mức còn được phép chào bán được áp dụng từ ngày 10/11/2026 như sau:

STT	Mã CKCS	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	5.804.421.957	4.842.048.796	484.204.879	382.919.009
2	FPT	1.885.727.648	1.512.353.573	151.235.357	101.021.769
3	HDB	6.506.859.219	4.978.397.988	497.839.798	451.713.214
4	HPG	8.442.964.520	4.764.364.878	476.436.487	294.710.459
5	LPB	2.987.282.100	2.490.497.086	249.049.708	238.458.042
6	MBB	10.068.749.885	4.558.123.072	455.812.307	355.219.377

7	MSN	1.460.374.611	824.965.617	82.496.561	45.867.673
8	MWG	1.475.694.086	1.090.390.360	109.039.036	69.195.780
9	SHB	5.343.703.838	3.845.329.281	384.532.928	317.599.595
10	SSB	3.468.800.000	1.792.328.960	179.232.896	171.125.696
11	SSI	3.001.302.333	2.084.704.600	208.470.460	208.470.460
12	STB	1.885.215.716	1.730.062.462	173.006.246	127.159.822
13	TCB	7.086.240.414	3.845.702.672	384.570.267	275.681.348
14	VHM	8.214.824.008	2.331.367.053	233.136.705	212.646.980
15	VIB	3.735.386.252	2.064.547.981	206.454.798	136.675.940
16	VIC	7.762.186.429	2.516.500.840	251.650.084	243.340.085
17	VJC	769.092.961	369.318.439	36.931.843	35.791.824
18	VNM	2.089.955.445	811.738.694	81.173.869	38.860.823
19	VPB	10.000.000.000	5.280.000.000	528.000.000	389.298.680
20	VRE	2.272.318.410	900.974.249	90.097.424	50.955.189